

Số: 432 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gồm:

(1) Quyết định số 1603/QĐ-BNNMT ngày 05 tháng 05 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực biến đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (ngày 19/5/2026 Sở Nông nghiệp và Môi trường mới nhận được trên Hệ thống Quản lý văn bản);

(2) Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 05 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

(3) Quyết định 1738/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp, khuyến nông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

(4) Quyết định số 1763/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 05 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

(5) Quyết định số 1821/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

(6) *Quyết định số 1825/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 tháng 2026 Về việc công bố TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (bãi bỏ 08 TTHC tại Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP);*

(7) *Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 tháng 2026 Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

(8) *Quyết định số 1836/QĐ-BNNMT ngày 21 tháng 5 tháng 2026 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 77/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính đính kèm)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định này được thực hiện kể từ thời điểm có hiệu lực thi hành Quyết định số 1603/QĐ-BNNMT ngày 05/5/2026; Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT và Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026; Quyết định số 1763/QĐ-BNNMT ngày 15/5/2026; Quyết định số 1821/QĐ-BNNMT, Quyết định số 1825/QĐ-BNNMT, Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026; Quyết định số 1836/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1. Cấp tỉnh

a) Ban hành mới:

- 05 thủ tục hành chính lĩnh vực biến đổi khí hậu.
- 01 thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư.

b) Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung:

- 11 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng được ban hành tại Quyết định 746/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, lĩnh vực quản lý đề điều và phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- 03 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực nông nghiệp được ban hành tại Quyết định 1807/QĐ-UBND ngày 04/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

c) Thủ tục hành chính bãi bỏ:

- 02 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng được ban hành tại Quyết định 427/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- 06 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng được ban hành tại Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- 03 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng được ban hành tại Quyết định 746/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cấp xã

a) Sửa đổi, bổ sung 12 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng được ban hành tại Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, lĩnh vực quản lý đê điều và phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng được ban hành tại Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, lĩnh vực quản lý đê điều và phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác danh mục và nội dung TTHC đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này và phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

PHẦN I: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực biến đổi khí hậu								
1	1.014129	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	05 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia	Một phần	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện.	Không quy định	- Khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ; - Mục I Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/ NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1603/QĐ-BNNMT ngày 05/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.014136	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ	15 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Một phần	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ	Không quy định	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 6 Điều 20 Nghị	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1603/QĐ-

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		các-bon trong nước	và 47 ngày ¹	cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia		tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án giao thực hiện. - Cơ quan phối hợp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và cơ quan, tổ chức có liên quan.		định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ; - Mục II Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	BNNMT ngày 05/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.014131	Thay đổi thành phần tham gia dự án	10 ngày	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia	Một phần	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện.		- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ; - Mục III Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/ NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1603/QĐ-BNNMT ngày 05/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.014132	Hủy đăng ký dự án	30 ngày	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một	Một phần	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu		- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 8 Điều 20 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1603/QĐ-BNNMT ngày

¹ - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc; Thời hạn đăng tải hồ sơ lấy ý kiến rộng rãi: 01 ngày làm việc; Thời hạn lấy ý kiến rộng rãi: 30 ngày - Thời hạn tổng hợp và thông báo ý kiến: 05 ngày làm việc; Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ sau hoàn thiện: 03 ngày làm việc; Thời hạn lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án: 03 ngày làm việc và 10 ngày; Tổ chức đánh giá, quyết định phê duyệt đăng ký dự án: 07 ngày.

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				trong các khu vực thực hiện dự án; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia		vực thực hiện dự án giao thực hiện.		phủ; - Mục IV Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	05/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	1.014133	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	06 ngày làm việc và 30 ngày ²	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia	Một phần	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án giao thực hiện. - Cơ quan phối hợp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và cơ quan, tổ chức có liên quan.		- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 9 Điều 20 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ; - Mục V Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1603/QĐ-BNNMT ngày 05/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
II Lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư									
1	1.014834	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè,	- Đối với trường hợp cấp Giấy xác	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu	Một phần	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao tiếp nhận giải quyết hồ sơ TTHC	không quy định	- Khoản 5 Điều 38 Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15,	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo

² - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.
- Thời hạn gửi hồ sơ lấy ý kiến: 03 ngày làm việc.
- Thời hạn góp ý kiến: 15 ngày.
- Trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết: 15 ngày.
Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biên của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	nhận là 08 ngày làm việc; - Đối với trường hợp cấp lại Giấy xác nhận là 05 ngày làm việc.	chính công ích hoặc Công dịch vụ công quốc gia				Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15- - Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP - Mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP;	Quyết định số 1763/QĐ-BNNMT ngày 15/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực thủy lợi								
1	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	13 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 1, 2, 8 Điều 15, Điều 19; Điều 20; Điểm a, b khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học,	8 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh.

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia		Nông nghiệp và Môi trường.và Môi trường.		40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	8 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 1, 2, 8 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b Khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục III phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	2.001795	Cấp giấy phép	8 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày	Thủ tục này đã được ủy quyền

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia		quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 7, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 7, Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Điểm a, b khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026/ - <i>Mục III phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn</i>	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<i>giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 5, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b Khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	1.004385	Cấp giấy phép	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia		bán nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		11/12/2025; - Khoản 3, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b Khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	8 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 6, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b Khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục I phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh</i>	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<i>vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	
9	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 4. Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; Điểm a, b khoản 1 Điều 24, Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục III phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của	2 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 4, 6 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; Điểm a, b Khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày	Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh				và Môi trường.		25/01/2026. - Mục III phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
II Quản lý đê điều và phòng chống thiên tai									
1	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia	Một phần	- Cơ quan thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện; - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không quy định	Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, điểm a, điểm b, điểm đ khoản 16 Điều 5 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
III Lĩnh vực nông nghiệp									

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.003388	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	12 ngày làm việc	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp tỉnh - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.003371	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp tỉnh - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp tỉnh - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Một phần	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
I	Lĩnh vực tài nguyên nước			
1	1.012.500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 19/5/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1821/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.000.824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 19/5/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1821/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
II	Chăn nuôi và Thú y			
1	1.008.129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Mục VIII Phần A Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQCP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1825/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

2	1.008.127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Mục VII Phần A Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQCP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1825/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	3.000.127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Mục II Phần A Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQCP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1825/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	3.000.128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Mục III Phần A Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQCP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1821/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	3.000.129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Mục IV Phần A Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQCP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1825/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	3.000.130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Mục V Phần A Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQCP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1825/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
III	Lĩnh vực đề điều và phòng chống thiên tai			
1	1.008.408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	Nghị định số 50/2020/NĐCP ngày 20/4/2020 của Chính phủ - Nghị định số 53/2026/NĐCP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.014.846	Phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 50/2020/NĐCP ngày 20/4/2020 của Chính phủ - Nghị định số 53/2026/NĐCP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
IV	Thủy lợi			
1	1.003.893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Nghị quyết 66.19 ngày 18/5/2026/NQCP	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1836/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

PHẦN II: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực thủy lợi								
1	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	11 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 1, 2, 8 Điều 15, Điều 19; Điều 20; Điểm a, b khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp,	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<i>đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	
3	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia .	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 1, 2, 8 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19 Điều 20; Điểm a, b Khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục IV phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp,</i>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<i>đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	
5	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	4 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 6, 7 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 23; Điểm a, b khoản 2 Điều 24; Điều 25, Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục IV phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	4 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 5, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b Khoản 2 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp,</i>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								<i>đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	
7	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	4 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia .	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 3, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b Khoản 2, Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia .	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Khoản 6, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điểm a, b Khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - <i>Mục II phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày</i>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
9	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	4 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 4. Điều 15; Điều a, b Khoản 2, Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - Mục IV phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy	2 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã.	Toàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 4, 6 Điều 15; Điều a, b Khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1750/QĐ-BNNMT

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	DVC Trực tuyến	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		- Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia		chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã		định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026. - Mục IV phần A Phụ lục VI Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	ngày 14/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
II Lĩnh vực quản lý đề điều và phòng chống thiên tai									
1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	10 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	Cơ quan thực hiện: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ. - Điều 13, khoản 11 Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	13 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc bưu chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia	Toàn trình	- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ - Điều 13 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH HÀNH BÃI BỎ

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
1	1.014.854	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Nghị quyết 66.19 ngày 18/5/2026/NQCP	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1836/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung